

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES**<sup>®</sup>  
Thành viên của Hãng Kiểm Toán Quốc tế Reanda International  
Chi nhánh Hà Nội  
Add: Lạc Trung - Vĩnh Tuy - Hai Bà Trưng - Hà Nội  
Tell: (+84) 4 3636 9388 Fax: (+84) 4 3636 9389  
Email: [hanoi@vietvalues.com](mailto:hanoi@vietvalues.com)



Mang tri thức phục vụ khách hàng

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN**

**CHO GIAI ĐOẠN TỪ 01 THÁNG 07 NĂM 2015 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**



Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)  
Thành viên của Hãng Kiểm Toán Quốc Tế Reanda International  
Chi nhánh Hà Nội

## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	07 - 08
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015	11 - 26

---



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán của Công ty.

### 1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bắc Giang thành công ty Cổ phần theo quyết định số 1763/QĐ-UBND ngày 24 tháng 09 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Giang cho phép công ty chuyển đổi sang công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 07 năm 2015. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 14 tháng 06 năm 2005 và thay đổi lần thứ 3 ngày 20 tháng 11 năm 2015.

Vốn điều lệ : 181.494.460.000 VNĐ (Một trăm tám mươi một tỷ bốn trăm chín mươi tư triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).

### 2. Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 386, Đường Xương Giang, Phường Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại : 02403.855757

Fax : 02403.554717

Mã số thuế : 2400126106

### 3. Ngành nghề kinh doanh

- SXKD nước sạch, xây dựng.

### 4. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

#### 4.1 Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Hương Xuân Công	Chủ tịch
Ông Trần Đăng Điều	Thành viên
Ông Phạm Hùng	Thành viên

#### 4.2 Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Hương Xuân Công	Giám đốc
Ông Trần Đăng Điều	Phó Giám đốc
Ông Phạm Hùng	Phó Giám đốc

### 5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Hương Xuân Công - chức vụ Giám đốc.



## 6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 06 đến trang 26.

## 7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập. Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

## 8. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**) được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty. Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

## 9. Xác nhận của Hội đồng quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính và cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

## **10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính**

Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành theo thông tư 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



*Bắc Giang, ngày 29 tháng 03 năm 2016*

**TM. Hội đồng quản trị**

**HƯỚNG XUÂN CÔNG**

**Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc**





Số:2028/2016/HN/BCKT/AUD-VVALUES

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 kèm theo của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang (sau đây được gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2016, từ trang 06 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Chúng tôi đã không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt và hàng tồn kho vào ngày 31/12/2015 tại thời điểm đó chúng tôi chưa được bổ nhiệm làm kiểm toán và tại thời điểm kiểm toán Công ty không bố trí được lịch kiểm kê nên chúng tôi cũng không thể thực hiện kiểm kê tại thời điểm kiểm toán. Với những tài liệu hiện có ở Công ty chúng tôi cũng không thể kiểm tra được tính hiện hữu của giá trị tiền mặt và hàng tồn kho lần lượt là 483.070.314 VND và 6.097.367.786 VND tại thời điểm trên bằng các thủ tục kiểm toán khác. Do đó chúng tôi không thể xác định được ảnh hưởng của vấn đề trên đến kết quả hoạt động kinh doanh.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư 200/2014/TT- BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TP. Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2016.

**Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)**



**Trần Bá Quảng – Giám đốc**  
Số Giấy chứng nhận đăng ký hành  
nghề kiểm toán: 1086-2013-071-1

**Trần Quang Huyền – Kiểm toán viên**  
Số Giấy chứng nhận đăng ký hành  
nghề kiểm toán: 1043-2013-071-1

**Nơi nhận:**

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2015

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	1/07/2015
1	2	3	4	5
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>116.338.065.049</b>	<b>92.929.040.274</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>31.621.857.180</b>	<b>33.348.962.145</b>
111	1. Tiền	V.1	2.314.895.600	3.999.941.936
112	2. Các khoản tương đương tiền	V.2	29.306.961.580	29.349.020.209
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>49.342.086.898</b>	<b>26.282.869.844</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.3	49.342.086.898	26.282.869.844
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>28.986.951.782</b>	<b>27.354.250.741</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.4	1.002.653.523	1.364.791.592
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		-	57.000.000
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	27.984.298.259	25.932.459.149
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	-
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>6.097.367.786</b>	<b>5.285.227.975</b>
141	1. Hàng tồn kho	V.6	6.097.367.786	5.285.227.975
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>289.801.403</b>	<b>657.729.569</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		289.801.403	657.729.569
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>74.130.418.881</b>	<b>82.358.142.207</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		-	-
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>72.516.254.171</b>	<b>81.030.376.270</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	72.459.645.922	80.937.750.574
222	- Nguyên giá		173.718.899.425	172.989.369.425
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(101.259.253.503)	(92.051.618.851)
227	3. Tài sản cố định vô hình		56.608.249	92.625.696
228	- Nguyên giá		579.777.977	579.777.977
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(523.169.728)	(487.152.281)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>590.909.091</b>	<b>590.909.091</b>
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.8	590.909.091	590.909.091
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		-	-
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.023.255.619</b>	<b>736.856.846</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.9	1.023.255.619	736.856.846
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		-	-
268	4. Tài sản dài hạn khác		-	-
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>190.468.483.930</b>	<b>175.287.182.481</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Địa chỉ: 386- Xương Giang-TP Bắc Giang - Tỉnh Bắc Giang

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2015

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	1/07/2015
1	2	3	4	5
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>7.616.023.875</b>	<b>17.594.341.864</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>7.616.023.875</b>	<b>17.594.341.864</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		-	-
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.027.000	300.000.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.10	559.201.557	589.252.070
314	4. Phải trả người lao động		-	-
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.11	6.262.026.000	2.625.382.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.12	635.153.474	12.800.302.950
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		-	-
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.13	158.615.844	1.279.404.844
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>182.852.460.055</b>	<b>157.692.840.617</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.14	<b>182.852.460.055</b>	<b>157.692.840.617</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		181.494.460.205	142.853.886.317
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		181.494.460.205	142.853.886.317
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
416	2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	11.207.096.867
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		-	2.981.857.433
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.357.999.850	-
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	-
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		1.357.999.850	-
422	5. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	650.000.000
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
431	1. Nguồn kinh phí		-	-
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>190.468.483.930</b>	<b>175.287.182.481</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bắc Giang, ngày 29 tháng 03 năm 2016





Giám Đốc

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

HƯƠNG XUÂN CÔNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Địa chỉ: 386- Xương Giang-TP Bắc Giang - Tỉnh Bắc Giang

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	01/07/2015-31/12/2015	01/01/2015-30/06/2015
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	40.267.012.002	33.642.029.437
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	1.855.244	174.298.171
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		40.265.156.758	33.467.731.266
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	26.215.280.167	21.901.597.133
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		14.049.876.591	11.566.134.133
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	1.157.182.374	834.419.041
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	7.904.927.073	5.523.515.658
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	5.870.045.543	5.657.944.451
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.432.086.349	1.219.093.065
31	11. Thu nhập khác	VI.7	315.630.008	131.256.248
32	12. Chi phí khác	VI.8	6.690.909	-
40	13. Lợi nhuận khác		308.939.099	131.256.248
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.741.025.448	1.350.349.313
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.9	383.025.599	297.076.849
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		1.357.999.850	1.053.272.464
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.10	75	-

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bắc Giang, ngày 29 tháng 03 năm 2016



Giám Đốc

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

HUƠNG XUÂN CÔNG



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Địa chỉ: 386- Xương Giang-TP Bắc Giang - Tỉnh Bắc Giang

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	01/07/2015-31/12/2015	01/01/2015-30/06/2015
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		40.265.156.758	33.467.731.266
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(9.970.738.603)	(6.715.543.443)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(17.660.519.830)	(10.184.032.500)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		-	-
05	5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(400.000.000)	(282.130.688)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		308.939.099	131.256.248
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(15.933.777.709)	(4.494.222.945)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(3.390.940.285)</b>	<b>11.923.057.938</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(729.530.000)	(951.399.545)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		(46.697.556.672)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		23.638.339.618	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.157.182.374	834.419.041
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(22.631.564.680)</b>	<b>(116.980.504)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		24.295.400.000	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả gốc nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>24.295.400.000</b>	<b>-</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>		<b>(1.727.104.965)</b>	<b>11.806.077.434</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>33.348.962.145</b>	<b>21.542.884.711</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>		<b>31.621.857.180</b>	<b>33.348.962.145</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bắc Giang, ngày 29 tháng 03 năm 2016

Giám Đốc



NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

HƯƠNG XUÂN CÔNG



## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

---

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty Cổ phần. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính công ty đã góp đủ vốn điều lệ.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất kinh doanh nước sạch và xây dựng.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh nước sạch, nước tinh khiết.
- Xây dựng công trình cấp thoát nước, công trình điện hạ thế từ 35KV trở xuống.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Theo điều khoản 2.3 điều 104 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nguyên tắc lập và trình bày Báo cáo tài chính khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp, thì:

- Đối với Bảng Cân đối kế toán: Toàn bộ số dư tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu kế thừa của doanh nghiệp cũ trước khi chuyển đổi được ghi nhận là số dư đầu kỳ của doanh nghiệp mới và được trình bày trong cột “Số đầu năm” (ngày 30/06/2015).
- Đối với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: Số liệu kế từ thời điểm chuyển đổi đến cuối kỳ báo cáo đầu tiên được trình bày trong cột “Kỳ này” (từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015). Cột “kỳ trước” trình bày số liệu lũy kế kể từ đầu năm báo cáo đến thời điểm chuyển đổi hình thức sở hữu (từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015)

#### 6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 255 nhân viên đang làm việc.

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015.

Báo cáo tài chính này là báo cáo tài chính năm đầu tiên của công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn, tiền tệ và vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### 3. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:



## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### ***Chi phí sửa chữa tài sản cố định***

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

#### **7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	03 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
Tài sản cố định khác	03 - 25 năm

#### **8. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm/theo thời gian giao đất (10 năm), quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

#### ***Chương trình phần mềm***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### 11. Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

#### 12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội cổ đông phê duyệt.

#### 13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán thành phẩm*

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua



## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### **Doanh thu xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

#### **14. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các hàng bán bị trả lại.

#### **15. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của thành phẩm và các chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

#### **16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

#### **17. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

##### **Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### **18. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VND)****1. Tiền**

Mã số	Chỉ tiêu	31/12/2015	1/7/2015
1.1	Tiền mặt	483.070.314	438.471.611
1.2	Tiền gửi ngân hàng	1.831.825.286	3.561.470.325
<b>Tổng cộng</b>		<b>2.314.895.600</b>	<b>3.999.941.936</b>

**1.2 Tiền gửi ngân hàng**

Mã số	Chỉ tiêu	31/12/2015	1/7/2015
1.2.1	Tiền Việt Nam	1.831.825.286	3.561.470.325
	Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Bắc Giang	88.885.350	204.860.719
	Ngân hàng NN & Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang	1.126.632.897	1.841.852.416
	Ngân hàng Techcombank Bắc Giang	323.298.475	1.514.757.190
	Ngân hàng Vietinbank Bắc Giang	293.008.564	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.831.825.286</b>	<b>3.561.470.325</b>

**2. Các khoản tương đương tiền**

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại ngân hàng.

**3. Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn**

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại các ngân hàng.

**4. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Chi tiết gồm:	31/12/2015	1/7/2015
Phải thu ngắn hạn các bên liên quan	-	-
Phải thu ngắn hạn khách hàng khác	1.002.653.523	1.364.791.592
Phải thu từ SXKD nước sạch	196.224.732	667.420.133
Phải thu từ Đội XL số 1	461.935.835	461.935.835
Phải thu từ Đội XL số 4	202.247.000	202.247.000
Các đối tượng khác	142.245.956	33.188.624
<b>Cộng</b>	<b>1.002.653.523</b>	<b>1.364.791.592</b>

**5. Phải thu ngắn hạn khác**

Mã số	Chỉ tiêu	31/12/2015	1/7/2015
5.1	Tạm ứng	714.264.520	728.536.000
5.2	Phải thu ngắn hạn khác	27.270.033.739	25.203.923.149
<b>Tổng cộng</b>		<b>27.984.298.259</b>	<b>25.932.459.149</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****5.1 Tạm ứng**

Chi tiết gồm:	31/12/2015	1/7/2015
<b>Tạm ứng cho bên liên quan</b>	-	-
<b>Tạm ứng cho đối tượng khác</b>	<b>714.264.520</b>	<b>728.536.000</b>
An Đình Thành	322.300.000	380.200.000
Nguyễn Văn Huy	272.964.520	58.136.000
Đối tượng khác	119.000.000	290.200.000
<b>Cộng</b>	<b>714.264.520</b>	<b>728.536.000</b>

**5.2 Phải thu ngắn hạn khác**

Chi tiết gồm:	31/12/2015	1/7/2015
<b>Phải thu bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải thu đối tượng khác khác</b>	<b>27.270.033.739</b>	<b>24.896.435.720</b>
Phải thu về cổ phần hóa	-	252.151.412
Ban Quản lý dự án cải tạo 35000 m2	25.417.082.014	22.685.667.968
Ban QLDA xây dựng nhà máy nước số 02	1.839.868.310	1.839.868.310
Đối tượng khác	13.083.415	426.235.459
<b>Cộng</b>	<b>27.270.033.739</b>	<b>25.203.923.149</b>

**6. Hàng tồn kho**

Mã số	Chi tiêu	31/12/2015		1/7/2015	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
6.1	Nguyên liệu, vật liệu	5.859.430.206	-	5.285.227.975	-
6.2	Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
6.3	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	237.937.580	-	-	-
<b>Cộng</b>		<b>6.097.367.786</b>	-	<b>5.285.227.975</b>	-

**6.1 Nguyên liệu, vật liệu**

Là giá trị tồn kho của nguyên vật liệu xây lắp như: Gang, thép... và nguyên vật liệu để sản xuất nước như: Clo, phèn, hóa chất...

**6.3 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang**

Là giá trị dở dang của một số công trình xây dựng chưa hoàn thành trong kỳ.

**7. Tài sản cố định hữu hình**

Chi tiết tại phụ lục số 01.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****8. Tài sản cố định vô hình**

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phẩm mềm tính hóa đơn nước	Tổng cộng
<b>1. Số dư ngày 1/07/2015</b>	<b>519.777.977</b>	<b>60.000.000</b>	<b>579.777.977</b>
2. Tăng trong kỳ	-	-	-
- Tăng do mua mới	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>4. 31/12/2015</b>	<b>519.777.977</b>	<b>60.000.000</b>	<b>579.777.977</b>
<b>II. Giá trị hao mòn</b>			
<b>1. 1/7/2015</b>	<b>443.152.281</b>	<b>44.000.000</b>	<b>487.152.281</b>
2. Tăng trong kỳ	30.017.447	6.000.000	36.017.447
- Khấu hao trong kỳ	30.017.447	6.000.000	36.017.447
3. Giảm trong kỳ	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>4. 31/12/2015</b>	<b>473.169.728</b>	<b>50.000.000</b>	<b>523.169.728</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
<b>1. Tại ngày 1/7/2015</b>	<b>76.625.696</b>	<b>16.000.000</b>	<b>92.625.696</b>
<b>2. Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>46.608.249</b>	<b>10.000.000</b>	<b>56.608.249</b>

**9. Chi phí trả trước dài hạn**

Nội dung	01/07/2015 đến 31/12/2015	01/01/2015 đến 30/06/2015
Số dư đầu kỳ (1)	736.856.846	1.199.083.119
Số phát sinh trong kỳ (2)	2.209.828.492	175.696.173
Số phân bổ trong kỳ (3)	1.923.429.719	637.922.446
<b>Số cuối kỳ (4) = (1) + (2) - (3)</b>	<b>1.023.255.619</b>	<b>736.856.846</b>
Chi tiết gồm:	<b>31/12/2015</b>	<b>1/7/2015</b>
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.023.255.619	736.856.846
<b>Cộng</b>	<b>1.023.255.619</b>	<b>736.856.846</b>

**10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Chi tiết gồm:	1/7/2015	Phát sinh trong kỳ		31/12/2015
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	-	13.244.627	13.244.627	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	197.076.849	383.025.598	400.000.000	180.102.447
Thuế TNCN	2.373.405	15.895.420	5.439.990	12.828.835
Thuế tài nguyên	22.931.640	135.418.142	136.877.739	21.472.043
Các loại thuế khác	366.870.176	1.775.615.209	1.797.687.153	344.798.232
<b>Cộng</b>	<b>589.252.070</b>	<b>2.323.198.996</b>	<b>2.353.249.509</b>	<b>559.201.557</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

**Thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Cơ quan quản lý thuế.

**11. Chi phí phải trả**

Chi tiết gồm:	31/12/2015	1/7/2015
Trích trước chi phí giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã bán	6.262.026.000	2.625.382.000
<b>Cộng</b>	<b>6.262.026.000</b>	<b>2.625.382.000</b>

**12. Phải trả phải nộp ngắn hạn khác**

Chi tiết gồm:	31/12/2015	1/7/2015
Phải trả bên liên quan	-	-
Phải trả ngắn hạn đối tượng khác	635.153.474	12.800.302.950
Kinh phí công đoàn	-	50.580.600
Phải trả về cổ phần hoá	-	12.106.300.000
Nguyễn Huy Ngũ	20.085.085	20.101.585
Đối tượng khác	615.068.389	623.320.765
<b>Tổng cộng</b>	<b>635.153.474</b>	<b>12.800.302.950</b>

**13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Chi tiết gồm:	31/12/2015	1/7/2015
Quỹ khen thưởng phúc lợi	158.615.844	1.279.404.844
<b>Cộng</b>	<b>158.615.844</b>	<b>1.279.404.844</b>

**14. Vốn chủ sở hữu****14a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chi tiết tại phụ lục số 02.

**14b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

(\*) Nguồn vốn chủ sở hữu

Chủ sở hữu	Tỷ lệ	31/12/2015
Vốn góp của Nhà nước	85,86%	155.831.460.000
Hướng Xuân Công	0,29%	521.000.000
Trần Đăng Điều	0,21%	389.000.000
Phạm Hùng	0,21%	386.000.000
Đối tượng khác	13,43%	24.367.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>181.494.460.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Trong năm, Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bắc Giang thành công ty Cổ phần theo quyết định số 1763/QĐ-UBND ngày 24 tháng 09 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Giang.

**14c. Cổ phiếu**

Chi tiết gồm:	31/12/2015	1/7/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.400.800	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.149.446	-
- Cổ phiếu thường	18.149.446	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.149.446	-
- Cổ phiếu thường	18.149.446	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	-

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VND)****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

Chi tiết gồm:	01/07/2015 đến 31/12/2015	01/01/2015 đến 30/06/2015
Doanh thu từ bán nước sạch	37.800.546.275	32.360.132.751
Doanh thu nước sạch – xí nghiệp CN Lục Nam	632.924.993	530.860.579
Doanh thu từ xây lắp	1.727.742.007	509.547.017
Doanh thu bán nước lọc	105.798.727	241.489.090
<b>Cộng</b>	<b>40.267.012.002</b>	<b>33.642.029.437</b>

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Công ty không phát sinh nghiệp vụ bán hàng với các bên liên quan.

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Chi tiết gồm:	01/07/2015 đến 31/12/2015	01/01/2015 đến 30/06/2015
Giảm giá hàng bán	1.855.244	174.298.171
<b>Cộng</b>	<b>1.855.244</b>	<b>174.298.171</b>

**3. Giá vốn hàng bán**

Chi tiết gồm:	01/07/2015 đến 31/12/2015	01/01/2015 đến 30/06/2015
Giá vốn bán hàng bán sản xuất nước	24.157.914.790	20.531.490.904
Giá vốn hàng bán SX nước- XNCN Lục Nam	732.366.043	674.831.643
Giá vốn bán xây lắp	1.219.200.607	494.020.496
Giá vốn hàng bán nước lọc	105.798.727	201.254.090
<b>Cộng</b>	<b>26.215.280.167</b>	<b>21.901.597.133</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

		01/07/2015 đến 31/12/2015	01/01/2015 đến 30/06/2015
<b>4.</b>	<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	Chi tiết gồm:		
	Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.157.182.374	834.419.041
	<b>Cộng</b>	<b>1.157.182.374</b>	<b>834.419.041</b>
<b>5.</b>	<b>Chi phí bán hàng</b>		
	Chi tiết gồm:		
	Chi phí bán hàng	7.904.927.073	5.523.515.658
	<b>Cộng</b>	<b>7.904.927.073</b>	<b>5.523.515.658</b>
<b>6.</b>	<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	Chi tiết gồm:		
	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.870.045.543	5.657.944.451
	<b>Cộng</b>	<b>5.870.045.543</b>	<b>5.657.944.451</b>
<b>7.</b>	<b>Thu nhập khác</b>		
	Chi tiết gồm:		
	Thu 7% phí giữ lại	118.838.583	116.167.248
	Thu nhập khác	196.791.425	15.089.000
	<b>Cộng</b>	<b>315.630.008</b>	<b>131.256.248</b>
<b>8.</b>	<b>Chi phí khác</b>		
	Chi tiết gồm		
	Chi phí khác	6.690.909	-
	<b>Cộng</b>	<b>6.690.909</b>	<b>-</b>
<b>9.</b>	<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
	Chỉ tiêu	01/07/2015 đến 31/12/2015	01/01/2015 đến 30/06/2015
	Lợi nhuận kế toán trước thuế (1)	1.741.025.448	1.350.349.313
	- Các khoản điều chỉnh làm tăng thu nhập tính thuế (2)	-	-
	+ Chi phí không hợp lý	-	-
	- Các khoản điều chỉnh làm giảm thu nhập tính thuế (3)	-	-
	Tổng thu nhập chịu thuế (4) = (1) + (2) - (3)	1.741.025.448	1.350.349.313
	Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành chịu thuế (5) = (6)	383.025.599	297.076.849
	+ Thuế suất phổ thông 22% (6) = (4) * 22%	383.025.599	297.076.849
	<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (7) = (5)</b>	<b>383.025.599</b>	<b>297.076.849</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Chỉ tiêu	01/07/2015 đến 31/12/2015	01/01/2015 đến 30/06/2015
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.357.999.850	-
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)</i>	-	-
- LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	18.149.446	-
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu)</b>	<b>75</b>	<b>-</b>

(\*): Công ty chưa đại hội cổ đông theo điều lệ phải do đại hội cổ đông quyết định và sẽ điều chỉnh phù hợp khi có quyết định của đại hội cổ đông về trích quỹ khen thưởng phúc lợi.

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Thành viên quản lý chủ chốt.

**1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt. Giao dịch khác trong năm có giao dịch về tiền lương trả trong năm cho các thành viên quản lý chủ chốt với số tiền là 417.352.170 đồng.

**2. Số liệu so sánh****2a. Áp dụng chuẩn mực/chế độ/qui định kế toán mới**

Theo điều khoản 2, 3 điều 104 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nguyên tắc lập và trình bày Báo cáo tài chính khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp, thì:

- Đối với Bảng Cân đối kế toán: Toàn bộ số dư tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu kế thừa của doanh nghiệp cũ trước khi chuyển đổi được ghi nhận là số dư đầu kỳ của doanh nghiệp mới và được trình bày trong cột "Số đầu năm" (ngày 30/06/2015).
- Đối với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: Số liệu kể từ thời điểm chuyển đổi đến cuối kỳ báo cáo đầu tiên được trình bày trong cột "Kỳ này" (từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015). Cột "kỳ trước" trình bày số liệu lũy kế kể từ đầu năm báo cáo đến thời điểm chuyển đổi hình thức sở hữu (từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015).

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính .

Bắc Giang, ngày 29 tháng 03 năm 2016



**NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO**  
Người lập biểu



**NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO**  
Kế toán trưởng



**HƯƠNG XUÂN CÔNG**  
Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Phụ lục số 01: Tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>1. Số dư ngày 01/07/2015</b>	<b>33.848.555.698</b>	<b>37.379.532.938</b>	<b>101.721.042.789</b>	<b>40.238.000</b>	<b>172.989.369.425</b>
2. Tăng trong kỳ	-	729.530.000	-	-	729.530.000
- Tăng do mua mới	-	729.530.000	-	-	729.530.000
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
<b>4. Số dư ngày 31/12/2015</b>	<b>33.848.555.698</b>	<b>38.109.062.938</b>	<b>101.721.042.789</b>	<b>40.238.000</b>	<b>173.718.899.425</b>
<b>II. Giá trị hao mòn</b>					
<b>1. 1/07/2015</b>	<b>18.664.487.471</b>	<b>18.656.514.302</b>	<b>54.698.426.678</b>	<b>32.190.400</b>	<b>92.051.618.851</b>
2. Tăng trong kỳ	1.944.010.954	2.130.919.863	5.124.656.235	8.047.600	9.207.634.652
Khấu hao trong kỳ	1.944.010.954	2.130.919.863	5.124.656.235	8.047.600	9.207.634.652
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
<b>4. 31/12/2015</b>	<b>20.608.498.425</b>	<b>20.787.434.165</b>	<b>59.823.082.913</b>	<b>40.238.000</b>	<b>101.259.253.503</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
<b>1. Tại ngày 1/7/2015</b>	<b>15.184.068.227</b>	<b>18.723.018.636</b>	<b>47.022.616.111</b>	<b>8.047.600</b>	<b>80.937.750.574</b>
<b>2. Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>13.240.057.273</b>	<b>17.321.628.773</b>	<b>41.897.959.876</b>	<b>-</b>	<b>72.459.645.922</b>

Người lập biểu

**NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO**

Kế toán trưởng

**NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO**

Bắc Giang, ngày 29 tháng 03 năm 2016



**HƯƠNG XUÂN CÔNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Phụ lục số 02 - Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại 01/01/2015	145.891.363.005	2.326.916.475	-	650.000.000	1.636.394.346	150.504.673.826
Tăng trong năm trước	506.530.283	654.940.958	11.207.096.867	-	1.053.272.464	13.421.840.572
+ Lãi trong năm trước	-	-	-	-	1.053.272.464	1.053.272.464
+ Tăng do góp vốn	-	-	-	-	-	-
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	506.530.283	654.940.958	-	-	-	506.530.283
+ Tăng từ phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	654.940.958
+ Tăng khác	-	-	11.207.096.867	-	-	11.207.096.867
Giảm trong năm trước	3.544.006.971	-	-	-	2.689.666.810	6.233.673.781
+ Giảm vốn	-	-	-	-	-	-
+ Giảm khác (*)	3.544.006.971	-	-	-	2.689.666.810	6.233.673.781
Số dư tại ngày 30/06/2015	142.853.886.317	2.981.857.433	11.207.096.867	650.000.000	-	157.692.840.617
Số dư tại ngày 01/07/2015	142.853.886.317	2.981.857.433	11.207.096.867	650.000.000	-	157.692.840.617
Tăng trong kỳ này	39.134.354.300	-	-	-	1.357.999.850	40.492.354.150
+ Lãi trong kỳ này	24.295.400.000	-	-	-	1.357.999.850	25.653.399.850
+ Tăng do đánh giá lại	11.207.096.867	-	-	-	-	11.207.096.867
+ Tăng do chuyển quỹ	2.981.857.433	-	-	-	-	2.981.857.433
+ Tăng từ phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
+ Tăng khác	650.000.000	-	-	-	-	650.000.000
Giảm trong kỳ này	493.780.412	2.981.857.433	11.207.096.867	650.000.000	-	15.332.734.712
+ Giảm khác (*)	493.780.412	2.981.857.433	11.207.096.867	650.000.000	-	15.332.734.712
Số dư tại ngày 31/12/2015	181.494.460.205	-	-	-	1.357.999.850	182.852.460.055

Người lập biểu

*(Signature)*  
**NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO**

Kế toán trưởng

*(Signature)*  
**NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO**

Đã Kiểm tra ngày 29 tháng 03 năm 2016



**HƯƠNG XUÂN CÔNG**